

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày 16 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Bá Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Kiên; nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi công tác: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Sông Mã

2. Ông Trần Thành Vân; Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Cơ sở điều trị nghiện ma túy huyện Sông Mã

- Thư ký phiên toà:

Ông Đèo Văn Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:

Ông Vũ Đức Long - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại Trường Trung học phổ thông thị trấn Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2017/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cà Văn L** - Sinh ngày 04/11/2000 (đến ngày phạm tội bị cáo được 16 tuổi 09 tháng 21 ngày); Nơi ĐKKHKT và nơi ở: bản B, xã C, huyện S, Sơn La; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Cà Văn T (đã chết), con bà Đèo Thị M, bố dượng Chăm Văn H hiện trú tại bản B, xã C, huyện S, Sơn La; Bị cáo chưa có vợ , con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Đèo Thị M, địa chỉ: bản B, xã C, huyện S, Sơn La (là mẹ đẻ). Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa: Ông Lò Văn Dịch - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21^h55' ngày 25/8/2017 Tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ tại bản Nhạp, xã Chiềng Cang, Sông Mã phát hiện bắt quả tang Cà Văn L có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn D trú tại bản P, xã C, huyện S. Thu giữ tại túi áo ngực bên phải đang mặc của D 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 02 viên nén hình tròn màu hồng nghi là Hồng phiến; thu giữ tại túi quần phía trước bên phải của L số tiền 200.000VNĐ, ngoài ra còn tạm giữ của L 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô biển kiểm soát 26B1- 925.09.

Ngày 26/8/2017 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh trích mẫu vật chứng gửi giám định. Kết quả: 02 viên nén hình tròn màu hồng thu của Dương có tổng trọng lượng 0,19 gam, đã dùng hết làm mẫu giám định ký hiệu C1.

Tại kết luận giám định số 851/KLMT ngày 30/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận : Mẫu gửi giám định ký hiệu C 1 là chất ma túy, loại chất Methamphetamine, trọng lượng mẫu gửi giám định là 0,19 gam.

Quá trình điều tra Cà Văn L khai nhận: Khoảng 14^h ngày 25/8/2017 L điều khiển xe mô tô lên bản Bua Hin, xã Mường Hung để tìm mua Hồng phiến với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời, đi đến đầu bản Bua Hin, L gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết L hỏi mua được của người này 03 viên Hồng phiến với giá 150.000VNĐ sau đó đi về, trên đường về L dừng xe ven đường lấy 01 viên ra sử dụng bằng hình thức hít vào cơ thể, còn 02 viên L gói lại cất vào túi quần phía trước bên phải đang mặc quay về nhà ông L. Khoảng 19^h cùng ngày Nguyễn Văn D là người quen của L ở bản P, xã C gọi điện thoại cho L hỏi mua 10 viên Hồng phiến với số tiền 500.000VNĐ, L đồng ý hẹn gặp tại cầu cứng thuộc bản Nhạp, xã Chiềng Cang. Sông Mã, sau đó L mang theo gói Hồng phiến đến địa điểm hẹn gặp D, hai người vào quán nước của Lều Văn H ngồi uống nước, lúc này L nói với D chỉ có 02 viên và hỏi D có mua không, Dương đồng ý mua và lấy 200.000VNĐ đưa cho L, L nhận tiền cất vào túi quần đang mặc rồi lấy 02 viên Hồng phiến đưa cho D, khi D vừa cất vào túi áo ngực đang mặc thì bị Tổ công tác công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại phiên tòa bị cáo Cà Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện - Lời khai nhận tội

của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 21^h55' ngày 25/8/2017; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; phù hợp với Kết luận giám định số 851/KLMT ngày 30/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La; phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn D về việc ngày 25/8/2017 sau khi gọi điện hỏi mua Hồng phiến với L, L đã hẹn D gặp nhau ở cầu cứng thuộc bản Nhạp, xã Chiềng Cang, sau khi gặp nhau D đã được L bán cho 02 viên Hồng phiến với giá là 200.000VNĐ.

Tại bản Cáo trạng số 128/KSĐT - MT ngày 24 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Cà Văn L về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 xử phạt từ 18 - 24 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS tịch thu sung công quỹ số tiền 200.000đ và một chiếc điện thoại. Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn nộp khoản tiền án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa Luật sư Lò Văn Dịch bào chữa cho bị cáo và ý kiến tự bào chữa của bị cáo: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên do bị cáo là người chưa thành niên, cần áp dụng các Điều 68, 69, 71 và khoản 1 Điều 74 BLHS xử phạt bị cáo từ 15 - 18 tháng tù.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc Tòa án đưa bị cáo ra xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy là không oan, sai; tuy nhiên bị cáo đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình

sự. Tại phiên tòa các thành viên của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 25/8/2017 Cà Văn L mua được 03 viên Hồng phiến của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết với mục đích sử dụng và bán kiếm lời, sau khi mua được L đã sử dụng 01 viên Hồng phiến, đến tối cùng ngày L đã bán số 02 viên còn cho Nguyễn Văn D với giá 200.000VNĐ. Khi bị phát hiện bắt quả tang đã thu giữ được của Nguyễn Văn D 0,19 gam Methamphetamine, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với số ma túy đã thu. Hành vi bị cáo thực hiện đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với việc làm của bản thân - áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (16 tuổi 9 tháng 21 ngày) nên cần áp dụng các Điều 69, 74 Bộ luật hình sự năm 1999, hướng dẫn tại điểm b mục 11 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quyết định hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng tại điểm b, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 quy định : “ Các điều khoản của Bộ luật hình sự 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01 tháng 01

năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích ”.

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành ”.

Khoản 1 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội... ”.

Khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất... ”.

Khoản 1 Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “ Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục , giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội... ”

Khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “ Không xử phạt tù chung thân hoặc tử đối với người chưa thành niên phạm tội. Khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn mức áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng...”

Căn cứ các quy định nêu trên, so sánh quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999 thì quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội. Cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14; khoản 3 Điều 7, các khoản 1, 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho bị.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: “ Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm ”. Tuy nhiên khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự quy định “... Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thanh niên phạm tội ”. Vì vậy bị cáo không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 200.000đ là tiền do phạm tội mà và chiếc điện thoại là công cụ thực hiện tội phạm có cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, đối với các vật chứng liên quan khác cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông ở khu vực bản Bua Hin , Mường Hung, Sông Mã bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xác minh, mở rộng vụ án.

Đối với Nguyễn Văn D có hành vi tàng trữ 0,19 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng, do trọng lượng ma túy ít , D chưa có tiền án , tiền sự về tội phạm ma túy nên hành vi của D không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã ra Quyết định xử phạt hành chính là đảm bảo quy định.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ-đen có BKS 26B1-935.09 L dùng để đi mua bán ma túy, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu của ông Cà Văn L, khi L mượn dùng xe đi mua bán ma túy ông L không được biết nên ngày 20/9/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[7] Về án phí:

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện hộ gia đình bà Đèo Thị M (nhân khẩu có bị cáo Cà Văn L) là hộ cận nghèo, nên theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo thuộc trường hợp được miễn tiền án phí, do vậy cần miễn khoản tiền án phí hình sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Cà Văn L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017

của Quốc Hội khóa 14, khoản 3 Điều 7, khoản 1 và khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Cà Văn L 18 (mười tám) tháng tù - Thời hạn thụ hình tính từ ngày tạm giữ, giam là ngày 25/8/2017.

2- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền VNĐ là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar, số IMEI đã bị mờ chỉ còn dãy số: 2164498.

- Tịch thu tiêu hủy: 1 (một) phong bì thư đã bị cắt một đầu, 01 (một) túi nilon màu trắng và 01 (một) mảnh nilon màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2017 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã).

3- Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Miễn nộp khoản tiền án phí hình sự cho bị cáo Cà Văn L.

Bị cáo, người đại diện, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 16/11/2017 ./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo ;
- Người đại diện, bào chữa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn